

Khoán Ước Của Minh Hương Xã

Lâm Vĩnh Thế

Từ lâu ở Miền Nam đã truyền tụng câu ca dao: “*Gỏi chi ngon bằng gỏi tôm càng. Đố ai lịch sự bằng làng Minh Hương.*” Từ “lịch sự” ở đây phải được hiểu theo nghĩa của thời đó: “...*người tuân kỹ cương đạo lý là người “lịch sự.”*”¹ Bài viết này nhằm giới thiệu Bản Khoán Ước của Minh Hương Xã, nền tảng của tiếng tốt về “thuần phong mỹ tục” của người Minh Hương.

Nguồn Gốc Của Minh Hương Xã

Sau khi nhà Minh (1368-1644) bị diệt vong, nhà Thanh (1644-1911) đã được thiết lập tại Trung Hoa, một số cựu thần của nhà Minh vẫn không chịu thần phục, hoặc ở lại trong nước, tiếp tục chiến đấu trong các tổ chức “*phản Thanh phục Minh,*” hoặc bỏ nước ra đi, và một số đã đến Việt Nam.

Năm Kỷ Mùi (1679), hai vị Tổng Bình, cựu thần của nhà Minh là Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên, đã mang 50 chiến thuyền với khoảng 3000 binh sĩ và gia đình, sang Việt Nam, xin hàng phục Chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Vị Chúa Nguyễn lúc bấy giờ là Chúa Hiền (Hiền Vương) Nguyễn Phúc Tần (1620-1687). “*Ngài võ về an ủi và cho vào trấn đóng tại Đông Phố (tức Gia Định), ngài ban cho chức tước, cấp phương tiện cày cấy để mở mang đất đai. Dương Ngạn Địch vào khai khẩn vùng Mỹ Tho, Trần Thượng Xuyên vào khai khẩn vùng Biên Hòa. Chẳng bao lâu Đông Phố trở thành miền đất trù phú, thương thuyền ngoại quốc đến buôn bán tấp nập.*”²

“*Đến năm Kỷ Dậu (1789), niên hiệu Chiêu Thống thứ tư, nhằm đời vua Lê Mẫn Hoàng đế, theo sớ tấu của vị đại thần con cháu nhà Minh qua trú ngụ nơi đất Việt Nam, thánh chỉ châu phê cho lập ra Minh Hương Xã, để thu thuế dân Minh Hương, rồi chuyển đệ lên quan trên.*”³ Làng Minh Hương ra đời từ đó. Người Minh Hương được miễn làm trâu và khỏi đi lính. Người Minh Hương nếu phạm pháp sẽ do Minh Hương Xã phân xử.

Việc Ra Đời Của Bản Khoán Ước

Chúng ta được biết chắc chắn năm ra đời của Bản Khoán Ước là năm 1800. Lý do: trong BKƯ, sau Khoản thứ 5, có ghi rõ như sau: “*Năm khoản trên đây lập ra năm Long Phi, Canh-Thân (1800) niên hiệu vua Kiến Hưng⁴ thứ 60, tháng chạp (hà nguyệt), tiết Tiểu hàn..*”⁵ Lý do ra đời của BKƯ đã được ghi rõ như sau: “*Vì công việc làng nhiều, người làm làng cũng đông (Hương Lão, Hương Trưởng, Hương Trùm, chức này sau đổi tên lại là Xã Trưởng, Chức Biện Thủ, Giáp Bàng Cán, Thông Ngôn, vân*

vân) nên cần phải lập qui điều hầu coi theo đó mà thi hành, đặng làm việc làng cho có qui tắc.”⁶

BKU này, sau khi hưởng chức của Minh Hương Xã thảo xong, đã được trình lên cho ông Trịnh Hoài Đức⁷ xem xét và phê chuẩn. Do đó, đối với người Minh Hương, mọi người đều tin tưởng và xem như BKU là do chính Ông Trịnh Hoài Đức lập ra. Một điều cũng cần biết thêm là trong Minh Hương Xã, và nay là Hội Minh Hương Gia Thạnh (sau đây sẽ viết tắt là HMGHGT), mọi người đều gọi ông Trịnh Hoài Đức một cách tôn kính là “**Ông Trịnh.**” BKU, ngay trên trang đầu, có ghi rõ là: “**Khoán Ước Do Ông Trịnh Lập Ra, Gia Định thành, Minh Hương xã, Hương Ước khoán văn tập.**” Và câu đầu tiên là: “*Ông Trịnh có xem xét và phê chuẩn cuốn Khoán Ước của Minh Hương xã.*”⁸

Lịch Sử Hình Thành Của Bản Khoán Ước

Việc biên soạn nguyên tác bằng chữ Hán của BKU đã trải qua nhiều giai đoạn:

- Các Khoản 1-5: lập ra năm Canh Thân (1800)
- Các Khoản 6-19: có thể được thêm vào trong khoảng 1800-1801
- Các Khoản 20-33: lập ra vào ngày 12 tháng 10, năm Tân Dậu (1801); sau đó được Ông Trịnh Hoài Đức, lúc đó là Lại Bộ Thượng Thư, Phó-Tổng-Tài Quốc-sử-quán, kiểm duyệt ngày mồng 8, tháng 7, năm Tân Tị (1821), niên hiệu Minh Mạng thứ 2.⁹
- Các Khoản 34-40: trừ Khoản thứ 40, được lập ra ngày mồng 3 tháng 11 mùa đông năm Quý Vi – tức Quý Mùi -- (1823), niên hiệu Minh Mạng thứ 4.

BKU mà người viết có trong tay hiện nay chỉ là một bản tiếng Quốc ngữ (Việt ngữ) do một Ủy Ban của HMGHGT gồm các vị sau đây:

- Châu-Đạt *phụng soạn*
- Lâm-Vĩnh-Hòa *cẩn lục*
- Vương-Quang-Bá, *Hương Trưởng kiêm Kiểm soát viên, trích dịch nguyên văn ra Việt Ngữ*

Sau khi việc chuyển dịch ra Việt ngữ hoàn tất, một Ủy Ban cao cấp của HMGHGT gồm các vị sau đây:

- Quách-Đặng-Dinh, Phó Chủ Trì
- Nguyễn-Văn-Quế, Chánh Thủ-Bổn
- Lâm-Văn-Văn, Chủ-Hồi
- Kha-Vọng-Lượng, Phó Từ-Hàng
- Nguyễn-Ngọc-Nhiều, Đại Hương-Lễ
- Trình-Chiếu-ý, Đại Hương-Lễ

đã xem xét bản dịch của BKU và đồng chấp thuận cho xuất bản dưới nhan đề “*Khoán Ước và tiểu sử các vị tiên bồi.*” Biên bản của Ủy Ban này với chữ ký của sáu vị hương chức được kể tên bên trên có ghi rõ ngày tháng như sau: “*Năm Canh-Dân, ngày mười bảy tháng mười, nhằm dương lịch năm một ngàn chín trăm năm mươi, ngày hai mươi sáu tháng mười một...*”

Nội Dung và Giá Trị của Bản Khoán Ước

BKU gồm tất cả 40 điều khoản, nhưng trong khi dịch ra Việt ngữ, Ủy Ban chuyển dịch đã bỏ bớt các Khoản thứ 4, 16, 17, 18, 20, 21, 34, 39 và 40, với lý do: “*Khoản nào nay Hội không cần dùng đến, thì bỏ bớt.*”¹⁰ Do đó, BKU bằng Việt ngữ chỉ gồm có tất cả là 31 điều khoản mà thôi.

Nội dung của 31 điều trong BKU bằng Việt ngữ đề cập đến các vấn đề như sau:

Nội Dung	Khoản Số
Tiêu chuẩn về phẩm hạnh mà các vị hương chức cần phải có	1, 2, 3, 14
Tiêu chuẩn về công tác mà các vị hương chức phải tuân thủ	6, 7, 8, 9, 10, 31
Việc phê bình, chấm điểm các vị hương chức	32
Việc thăng cấp các vị hương chức	26
Quy định về lễ vật dành cho các vị hương chức khi nhà có đám cưới, đám tang hay ăn mừng nhà mới	22, 23
Việc kỷ luật các vị hương chức	25, 29, 30
Đặc ân dành riêng cho con cháu các vị hương chức đã quá cố	24
Tiêu chuẩn về quản lý công việc, sổ sách, tài sản của làng	19, 35, 37, 38
Tiêu chuẩn về phẩm hạnh của dân làng	5, 15
Tiêu chuẩn về công tác của dân làng	11, 12
Việc thăng cấp của dân làng	36
Tình nghĩa giữa người trong làng với nhau	27
Việc kiện thưa trong làng	33
Cách tổ chức cúng Kỳ Yên, cách sắp xếp chỗ ngồi, cách ăn uống	14, 28

Nhìn vào bảng phân tích nội dung BKU trên đây ta thấy ngay là các vị tiên bồi của Minh Hương Xã đã hết sức đặt nặng vấn đề tiêu chuẩn về phẩm hạnh, không những cho các vị hương chức mà còn cho cả dân làng nữa. Tổng số điều khoản về vấn đề này là 6 điều (4 dành cho hương chức và 2 dành cho dân làng), đạt tỷ lệ $6/31 = 19.35\%$ của BKU. Ta thử đọc xem một vài điều về vấn đề này:

“Khoản thứ nhất.—Hương-Lão và Hương-Trưởng là người tuổi cao tác lớn, công cán nhiều năm, chuyên lo việc quan, phân xử việc làng, phải nên gắng chí đồng lòng, lo lắng cùng nhau, trông nhau như ruột thịt, chung lo giềng lợi và trừ mối hại, cố chí khuyên người hiền, răn kẻ dữ, chia nhau mà làm cho tròn phận sự, trọng lời lẽ ngay, đều [điều] thẳng mà bàn tính [tính] cùng nhau, đừng lập phe lập đảng, bình phẩm cho thanh cao; lời nói ra như chạm vào bản [bảng] vàng bìa đá, trong làng mới phục mình là người đúng đắn.”

“Khoản thứ nhì.—Trùm cụu hay Trùm tân cũng trong làng công nghị mà lựa những người trong bộ, giỏi giẩn, siêng năng mà bèo [bầu] cử ra làm lớn trong làng, đừng chuyên lo việc làng. Các việc đều phải cần-mẫn, lo lắng, đừng để tổn phí nhiều. Trong sổ thầu xuất phải biên chép cho kỹ lưỡng. Chẳng nên khai quấy hay xài lãng phí, hoặc muốn lợi riêng cho mình, làm sổ lộn-xộn, xài thâm tiền của làng, cũng không nên làm theo ý riêng của mình, không kể đến điều-lệ của làng; dầu việc nào có lợi ích chung, cũng phải làm công khai, không nên làm âm thầm trong bóng tối. Đừng tham lam. Như gặp việc khánh điệu cùng là việc nào khác, phải làm theo thường lệ, thì cứ việc xem xét cho kỹ-càng, rồi cứ theo lệ mà thi hành.”

“Khoản thứ ba.—Chức, Biện, cụu cũng như tân, là của Làng lựa chọn, đủ tài năng, đã lâu ngày công khó, phải ráng đồng tâm hiệp lực mà làm cho tròn nhiệm vụ của mình, phải luân phiên nhau mà làm việc làng. Nếu làng có việc cần dùng, thì hể mời một lần, là đến ngay, không đừng trì hoãn, hay lánh mặt mà lơ dờ phiên nhóm. Phàm các việc chung, như có mua sắm món chi, cũng phải đo giá cả, chớ đừng hớp tớp; hoặc có lãnh hay nạp món chi, thì cũng phải có giấy tờ để lại cho biết gốc tích; đừng xài ít tính nhiều, mua rẻ nói mắc, lấy lợi chung mà làm của riêng; xài lãng phí của làng. ...”¹¹

Có thể nói ba điều khoản trên đây đã tóm lược gần như đầy đủ những đức tính cần phải có đối với những vị hương chức quan trọng nhất trong làng, kể từ các vị Hương-Lão, Hương-Trưởng là những vị đóng vai trò lãnh đạo Minh Hương Xã xuống đến các vị Trùm, Biện là những vị đóng vai trò trực tiếp thực hiện các công việc trong Minh Hương Xã. Các tiêu chuẩn nêu ra trong các điều khoản này bao gồm cả hai mặt tài năng và đức độ nhưng rõ ràng là nhấn mạnh về đức độ hơn là tài năng. Nếu nói theo ngôn ngữ ngày nay ở Bắc Mỹ này thì đây gần như là một **“Bộ Quy Tắc về Đạo Đức = Code of Ethics”** dành cho hương chức của Minh Hương Xã.

Đó là những đòi hỏi về phẩm hạnh của quý vị hương chức nhưng còn đối với người dân trong làng thì thế nào ? Ta hãy thử đọc các điều khoản sau đây:

*“Khoản thứ 5.—Có người nhập tịch vô làng, là một cái nền tảng, tiền tấn hậu kế, nối gót nhau, phải giữ nề nếp mà noi theo pháp luật của làng, trên hòa dưới thuận, đừng làm những việc phi pháp. Ai làm phải, thì nên bắt chước theo. Nếu có lầm lỗi, thì phải sửa mình. Phàm mình còn nhỏ, thì phải biết kính trọng. Khi gặp người lớn ngoài đường, phải chào hỏi. Khi mình ngồi, thấy người lớn, phải đứng dậy. Khi đi gặp người lớn, phải nhường bước. Kinh-Thi nói rằng: Mình không biết cung kính, thì đâu gọi là lễ phép vậy. Nếu có việc chi trong làng, kỳ yên hay là làm nguơn chẳng hạn, thì nên nối gót theo sau kêu rữ như chim cưu rữ nhận vậy; phải nghe theo, ứng chực [trực] dặng lo công việc; đừng tập thói xấu, lánh nặng tìm nhẹ, kiếm chỗ đi chơi; đừng ý giàu mà phạm thượng, đừng cậy thế mà hiếp người, đừng kiêu hãnh mà làm sai siêng trong điều-ước của làng, thì lỗi ấy khó dung. Nếu trong gia đạo có xảy ra việc bất hòa hay có gây gổ với người đồng hương, nhược bằng nhịn không được, thì phải đem việc ấy đến nhà ông Trùm mà kêu nài hầu đem ra làng phân xử cho mình bạch, thường phạt dành rành.”*¹²

*“Khoản thứ 15.—Bực tôn trưởng và các chức việc trong làng có sai khiến đều [điều] chi, thì trên phán ra, dưới phải làm y theo, là lẽ cố nhiên. Nếu ai có tánh chần chừ, thì phải chữa ngay đi, dặng làm gương cho kẻ dưới sau này khỏi làm sai phép.”*¹³

*“Khoản thứ 27.—Hương-ước nghĩ rằng: Từ loài cầm thú đến vật nhỏ nhen, đều diu dắc nhau đi, kiếm được mỗi, kêu nhau chia; hướng chi là người, có tánh linh hơn muôn vật mà không dùng nghĩa dặng giao thiệp nhau, không dùng nhơn dặng giúp đỡ nhau; bốn biển đều là anh em, tuy khác ý nhau, mà còn có khi giúp đỡ nhau được. Cây đào cây lý ở chung một nhà, đều biết nhau, há không thương yêu nhau, cái chủ tâm đó ai ai cũng vậy, nên mới lập ra điều ước này. Phàm chúng ta là một người làng [người một làng], nếu có việc Quan, Hôn, Tang, Tế phải gắng sức đồng lòng thật tình giúp đỡ nhau, bất luận có tiền hay là không tiền, ấy là tùy gia vô hữu, không hại chi mà ngại, đừng phân biệt sang hèn, hay giàu nghèo mà nghi kị nhau, làm mất chỗ lẽ nghĩa đi, còn đâu gọi là thuần phong mỹ tục, thì có vui vẻ gì. Hãy cố gắng làm theo điều ước này.”*¹⁴

Các tiêu chuẩn về phẩm hạnh dành cho dân làng thật là cũng rất rõ ràng, minh bạch. Tất cả đặt trên nền tảng lễ nghi và đạo đức căn bản của một xã hội Khổng Giáo: kính trọng và vâng lời bậc trưởng thượng; sống khiêm tốn, không hiếp đáp kẻ yếu; sống hoà thuận với nhau, tương trợ nhau trong mọi việc quan-hôn-tang-tế; đối với việc chung trong làng thì phải đóng góp, không được thoái thác.

BKU, ngoài những điều khoản về phẩm hạnh đối với hương chức và dân làng như vừa trình bày, còn bao gồm đầy đủ các điều khoản khác về tiêu chuẩn làm việc

dành cho mọi người, về vấn đề quản lý tài sản, tiền bạc. Và dĩ nhiên, có làm việc thì có đúng, có sai, nên cũng có những điều khoản về việc đánh giá, chấm điểm công tác, có điều khoản về kỷ luật, về thưởng phạt rất phân minh. Điều khoản số 19 có ghi rõ như sau:

*“1. Phàm Hương Lão phạm ước, thì việc của ông làm, để ông liệu xử lấy, ấy là làng có lòng kính ông đó. 2. Phàm Hương Trưởng phạm ước, thì phạt một heo toàn thể, nặng 50 cân mà răn kẻ dưới. 3. Còn các chức nhỏ và dân phạm ước thì bị phạt, tùy theo lỗi nặng hay nhẹ, dặng răn từ đó về sau đừng tái phạm.”*¹⁵

Gần như tất cả các khía cạnh quan trọng trong đời sống tập thể của Minh Hương Xã đều được đề cập đến trong BKƯ, từ cách thức làm việc công trong làng cho đến việc kiện tụng riêng tư của dân làng, từ tiêu chuẩn thăng cấp cho hương chức cho đến khả năng thăng tiến của dân làng, từ việc tổ chức lễ hội (Kỳ Yên, cúng rằm, vv) đến việc mua sắm lễ vật cúng tế, vv Điều quan trọng nhất làm sợi chỉ đỏ xuyên suốt của BKƯ là quyết tâm thực hiện cho được sự đoàn kết, đồng thuận trong toàn thể cộng đồng Minh Hương Xã trong việc bảo tồn và phát huy thuần phong mỹ tục.

Kết Luận

Nhờ BKƯ này, Minh Hương Xã đã giáo dục được người dân và con cháu của họ sống hòa thuận với nhau và giữ gìn được thuần phong mỹ tục trong một thời gian rất lâu dài, gây được tiếng tốt về mặt đạo đức trên quê hương mới. Năm Quý Hợi (1863), đời Vua Tự Đức, nhà vua đã ban tặng cho làng Minh Hương bốn chữ **“Thiện Tục Khả Phong.”** Bốn chữ này đã được làng Minh Hương cho khắc vào một tấm liễn sơn son thếp vàng, nay vẫn còn treo nơi chánh điện của Đình Minh Hương Gia Thạnh.¹⁶

Ghi Chú:

1. Sơn Nam. *Đình miếu và lễ hội dân gian*. Đồng Tháp : Nhà xuất bản Đồng Tháp, 1994. Tr. 13.
2. Nguyễn Phúc tộc thế phả : thủy tổ phả, vương phả, đế phả / Vĩnh Cao ... [và nhiều người khác] kính soạn. Huế : Nhà xuất bản Thuận Hóa, 1995. Tr. 132.
3. *Khoán ước và tiểu sử các vị tiền bối*. Chợ Lớn : Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951. Tr. 21.
4. Chữ “Kiến Hưng” ở đây là một lỗi của nhà in, đúng ra phải là “Kiến Hưng,” là cách nói kiêng húy chữ “Cảnh” của người Miền Nam. “Cảnh Hưng” là niên hiệu của Vua Lê Hiển Tông mà các Chúa Nguyễn (kể cả Nguyễn Vương Nguyễn Phúc Ánh) ở Miền Nam đã sử dụng; việc sử dụng niên hiệu “Cảnh Hưng” chỉ chấm dứt vào năm 1802 khi Chúa Nguyễn Phúc Ánh chính thức lên

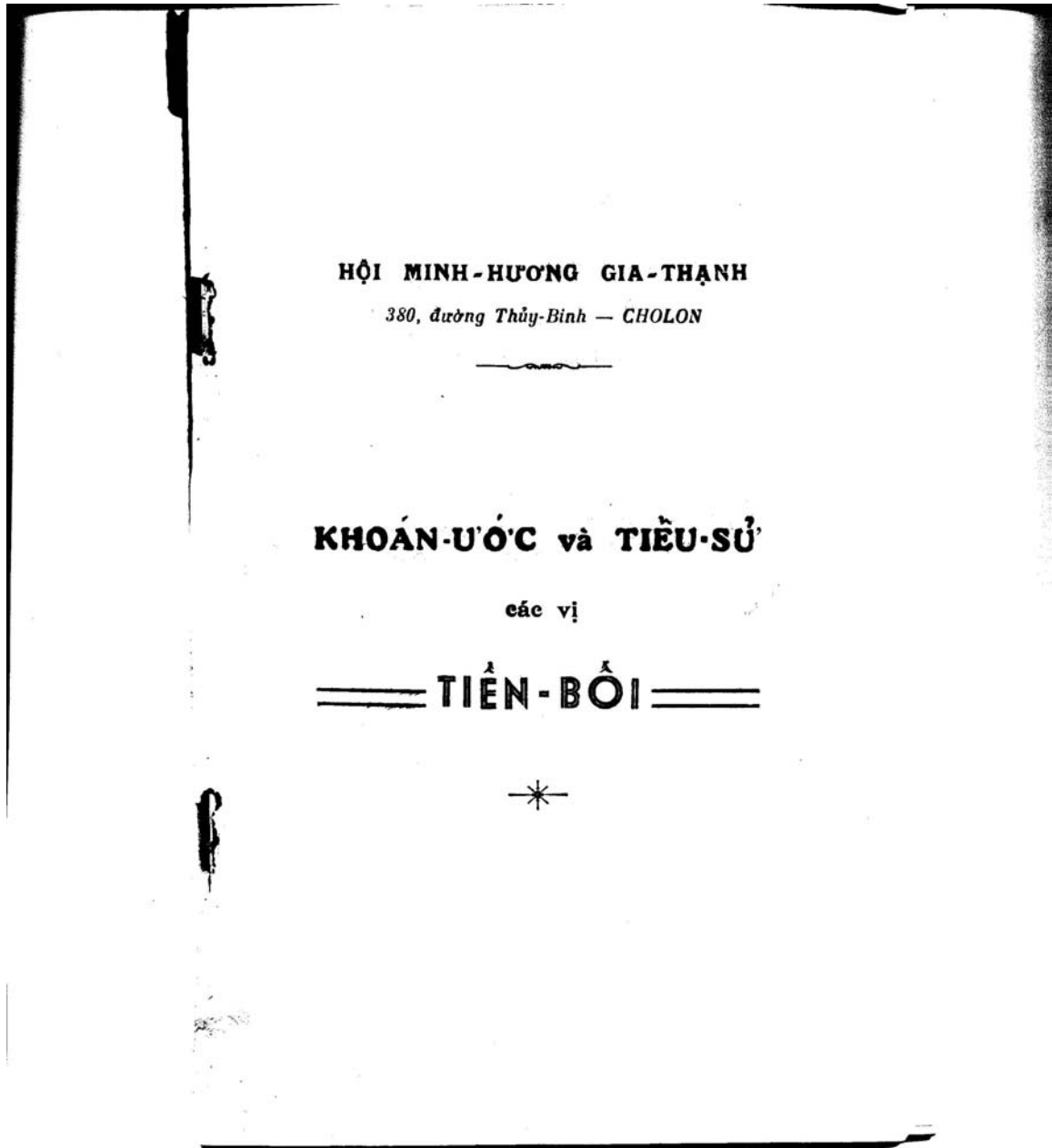
ngôi với niên hiệu mới là Gia Long. Các Chúa Nguyễn cố tình tiếp tục sử dụng niên hiệu “Cảnh Hưng” để chứng tỏ sự tôn phù Nhà Lê của mình; thật ra Vua Lê Hiển Tông đã băng hà vào năm 1786 (khi Nguyễn Huệ ra Bắc lần thứ nhất để diệt họ Trịnh, và được Vua Lê Hiển Tông gả con gái là công Chúa Ngọc Hân).

5. *Khoán ước*, sđd, tr. 6.
6. *Khoán ước*, sđd, tr. [3].
7. Ông Trịnh Hoài Đức (1765-1825) là một vị đại thần đời Vua Gia Long. Tổ phụ của ông là Trịnh Hội, người tỉnh Phước Kiến, sang Việt Nam lập nghiệp tại Phú Xuân, sau dời vào Trấn Biên (Biên Hòa ngày nay). Ông sinh năm 1765 tại Trấn Biên, học trò của danh sĩ Võ Trường Toản. Năm Mậu Thân (1788), Chúa Nguyễn Phúc Ánh cho mở khoa thi tại Gia Định để chọn nhân tài, ông thi đậu và được bổ làm Hàn Lâm Viện Chế Cáo, rồi sung chức Điền-tuấn quan trông coi việc khai khẩn đất hoang tại Gia Định. Sau đó, ông lần lượt thăng cấp: Tri Huyện Tân Bình, Ký Lục dinh Trấn Định, Hữu-Tham-Tri Bộ Hộ. Sau khi Vua Gia Long lên ngôi năm 1802, ông thăng lên Thượng Thư, lần lượt nắm giữ các Bộ Hộ, Bộ Lễ, Bộ Lại và Bộ Hình, kiêm nhiệm Phó-Tổng-Tài Quốc-sử-quán. Sau đó ông trở về Nam, hai lần giữ chức Hiệp-Tổng-Trấn Gia Định Thành (1808-1812 và 1816-1820). Ngoài ra, ông cũng nhiều lần sung chức Chánh-sứ đi sứ sang Trung Hoa. Về mặt văn học, ông cùng một số bạn học (Lê Quang Định và Ngô Nhơn Tịnh, cả hai vị này cũng đều là học trò của danh sĩ Võ Trường Toản và cũng là đại thần của nhà Nguyễn) thành lập Bình Dương Thi Xã và nhóm Sơn Hội (gọi là Sơn Hội vì gồm nhiều vị mà tên tự hoặc hiệu đều có chữ Sơn, thí dụ, Trịnh Hoài Đức tự là Chỉ Sơn, Ngô Nhơn Tịnh tự là Nhữ Sơn, Hoàng Ngọc Uẩn tự là Hối Sơn, Diệp Minh Phụng hiệu là Kỳ Sơn) để xướng họa văn thơ với nhau. Ba vị Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định và Ngô Nhơn Tịnh được người đồng thời gọi là “*Gia Định Tam Gia*.” Thơ văn của ba vị về sau được ông Trịnh Hoài Đức góp thành một bộ để in, gọi là “*Gia Định Tam Gia Thi Tập*.” Ông Trịnh Hoài Đức cũng chính là người đã biên soạn bộ ***Gia Định Thành Thông Chí*** (1820) là một bộ địa-phương-chí rất quý về Miền Nam cách đây hơn 200 năm. Độc giả có thể đọc thêm chi tiết ở các tài liệu sau đây: 1) Nguyễn Huyền Anh. *Việt Nam danh nhân từ điển*. Sài Gòn : Khai Trí, 1972, tr. 596-597. 2) *Từ điển Thành phố Hồ Chí Minh*. TP HCM : Nhà xuất bản Trẻ, 2001, tr. 259. 3) Hoài Anh. “Về đình Minh Hương Gia Thạnh & Bình Dương Thi Xã” trong: *Sài Gòn xưa & nay*. TP HCM : Nhà xuất bản Trẻ, 1998, tr. 227-230.
8. *Khoán ước*, sđd, tr. [3].
9. *Khoán ước*, sđd, tr. 18.
10. *Khoán ước*, sđd, tr. [3].
11. *Khoán ước*, sđd, tr. [4], 5.
12. *Khoán ước*, sđd, tr. 6.

13. *Khoán ước*, sđd, tr. 11.
14. *Khoán ước*, sđd, tr. 14-15.
15. *Khoán ước*, sđd, tr. 12.
16. Lâm Vĩnh Thế, “Đình Minh Hương Gia Thạnh,” *Thế Kỷ 21*, số 155 (Tháng 3/2002), tr. 48-54.

Phụ Đính A

Hình Trang Nhan Đề Của Bản Khoán Ước



Phụ Đính B

Hình Cổng Đình Minh Hương Gia Thạnh



Phụ Đính C

Hình Tấm Liễn “Thiện Tục Khả Phong”

